

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Út.

2. Ông Nguyễn Văn Tráng.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235, 244, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2017/TLST-DS, ngày 02/10/2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất*” giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1940. Địa chỉ: ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949. Địa chỉ: ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Lương Văn C, sinh năm 1949. Địa chỉ: ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông C có ông Lương Văn H, sinh năm 1973. Địa chỉ ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949;

2/ Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1977;

3/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982;

- 4/ Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1986;
5/ Bà Cao Thị H, sinh năm 1951;
6/ Anh Lương Văn H, sinh năm 1973;
7/ Chị Trần Thị T, sinh năm 1974;
8/ Anh Lương Trần Ngọc Thái H, sinh năm 1993;
9/ Anh Lương Trần H, sinh năm 1997;
10/ Anh Nguyễn Văn Bảo X, sinh năm 1988.
Cùng địa chỉ ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

11/ Chị Lương Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ 42/*/18 – Hẻm 8, đường Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận B, thành phố H.

12/ Ủy ban nhân dân huyện C – người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thành Ô; chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C. Ông Ô ủy quyền cho ông Trương Văn N – Trưởng phòng T M huyện C làm người đại diện theo ủy quyền.

- 13/ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973;
14/ Anh Nguyễn Tiến C, sinh năm 1979;
15/ Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987.
Cùng địa chỉ: ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các đương sự anh X, chị T và anh X: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949. Địa chỉ ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các đương sự bà H, chị T, anh H, anh H và chị H: anh Lương Văn H, sinh năm 1973. Địa chỉ ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về đất tranh chấp:** hộ ông Lương Văn C (gồm ông Lương Văn C; anh Lương Văn H; bà Cao Thị H; chị Trần Thị T; anh Lương Trần Ngọc Thái H; anh Lương Trần H và chị Lương Thị H) tự nguyện giao cho hộ ông Nguyễn Văn T phần đất diện tích 44,44m² (gồm phần C và một phần của phần A), nằm trong tổng diện tích 740m², thuộc thửa 128A, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T do ông Lương Văn C đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Vị trí cụ thể của từng phần như sau:

- Phần C: diện tích 35m². Vị trí như sau:
 - + Đông giáp phần A dài 18,88 mét.
 - + Tây giáp phần A, chiều dài một đoạn 13,66 mét; một đoạn 05 mét.
 - + Nam giáp thửa 127 dài 0,7 mét.
 - + Bắc giáp phần A dài 05 mét.
- Một phần của phần A: diện tích 9,44m². Vị trí như sau:
 - + Đông giáp thửa 727 dài 18,88 mét.
 - + Tây giáp phần C dài 18,88 mét.
 - + Nam giáp thửa 127 dài 0,5 mét.
 - + Bắc giáp phần A dài 0,5 mét.

Hộ ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất này.

Đình chỉ đối với diện tích đất tranh chấp còn lại là 278,66m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất này, đất và tài sản thuộc thửa 128A, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Hộ ông Lương Văn C được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại của thửa 128A, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc ấp D 2, xã N, huyện C, tỉnh T.

Hộ ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm mọi thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thực tế được sử dụng.

(Kèm theo kết quả khảo sát, đo đạc thửa đất số 128A của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh huyện C cung cấp ngày 14 tháng 11 năm 2017).

Công nhận sự tự nguyện của hộ ông Nguyễn Văn T di dời những cây đã trồng trên đất gồm: 02 cây dừa; 02 cây bạch đàn và 02 cây xoài ra khỏi phần đất của hộ ông Lương Văn C.

*** Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T có đơn rút lại một phần yêu cầu đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay đình chỉ đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T.

*** Về lệ phí thẩm định, định giá:** số tiền 2.452.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T tự nguyện nộp nhưng được trừ vào 2.452.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí thẩm định, định giá tài sản do ông Nguyễn Văn T đã nộp, ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ, không phải nộp tiếp.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:** số tiền 333.300 đồng. Hộ ông Nguyễn Văn T và hộ ông Lương Văn C tự nguyện thỏa thuận mỗi bên nộp 50% tiền án phí nên hộ ông Nguyễn Văn T phải nộp 166.600 đồng (mỗi người phải nộp 18.500 đồng) và hộ ông Lương Văn C phải nộp 166.600 đồng (mỗi người phải nộp 27.800 đồng). Do ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C, ông Lương Văn C và bà Cao Thị H thuộc diện người cao tuổi và các đương sự này có đơn xin miễn tiền án phí phù hợp với điểm đ khoản 01 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các đương sự ông T, bà C, ông C và bà H được miễn phần tiền án phí mà các đương sự này phải nộp. Còn lại các thành viên khác của hộ ông Nguyễn Văn T và hộ ông Lương Văn C phải nộp tiếp phần tiền án phí không được miễn. Vì vậy, anh Nguyễn Văn X; chị Nguyễn Thị Th; anh Nguyễn Văn X; anh Nguyễn Văn Bảo X; chị Nguyễn Thị M; anh Nguyễn Tiến C và chị Nguyễn Thị C, mỗi người có nghĩa vụ nộp 18.500 đồng. Anh Lương Văn H; chị Trần Thị T; anh Lương Trần Ngọc Thái H và anh Lương Trần H, mỗi người có nghĩa vụ nộp 27.800 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 325.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0010449, ngày 23/9/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Nhung